

Bản án số: 105/2025/DS-PT

Ngày: 14-02-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 621/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 712/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Dương Thành C, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Lê Văn P**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Trần Thanh P1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: 4 L, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(theo Giấy ủy quyền ngày 11/02/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P: Luật sư Nguyễn Thúc B – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thúc B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn Lê Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn P trả số tiền cho mượn là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử là 14 tháng 27 ngày nhưng chỉ xin tính lãi tròn 14 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng với tiền lãi 58.100.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khởi kiện là Giấy mượn tiền ngày 20/9/2021, Giấy mượn tiền ngày 01/01/2022 do bị đơn là ông P đã ký tên. Quá trình bà H cho ông P mượn tiền, bà H có giữ của ông P bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn P đứng tên, khi ông P trả tiền xong thì sẽ trả lại bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông Lê Văn P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn P là ông Nguyễn Hồng H1 trình bày:

Ông P không đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, vì Giấy mượn tiền ngày 20/9/2021, Giấy mượn tiền ngày 01/01/2022 dù chữ ký là của ông P nhưng nội dung không thể hiện là ông P mượn tiền của bà H, vì nội dung chỉ ghi bà H có mượn của ông Lê Văn P, ngoài ra không có tài liệu chứng minh ông P đã trực tiếp nhận số tiền 500.000.000 đồng từ bà H. Việc yêu cầu tính lãi cũng không có căn cứ vì giấy mượn tiền không ghi phải trả lãi, không ghi thời hạn trả tiền. Đối với chi phí giám định thì phía ông P đã nộp tạm ứng nhưng tại phiên tòa hôm nay đề nghị bên nào không được chấp nhận yêu cầu thì phải chịu toàn bộ chi phí và yêu cầu bà H trả lại 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản chính lại cho ông P.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H.

Buộc bị đơn Lê Văn P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị H số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi là 58.100.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H có nghĩa vụ trả lại ông P bản chính 02 giấy chứng nhận QSDĐ do ông P đứng tên (giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy H02161 ngày 08/12/2007 của thửa đất 1384, tờ bản đồ 03 tại ấp T xã T, C, Tiền Giang và giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy H02076 ngày 22/10/2007 của thửa đất 2409, tờ

bản đồ số 03 tại ấp T xã T, C, Tiền Giang) thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, giải thích về quyền được thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, bị đơn Lê Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P trình bày ý kiến: Xét về hình thức 02 giấy mượn tiền do bà H2 cung cấp còn sơ sài và nội dung thì mơ hồ, cụ thể: Về chủ thể giấy mượn tiền ghi “mượn dùm” ông P mà không nói là mượn của ai; về nội dung ghi mượn dùm Lê Văn P nhưng chỉ thể hiện có 01 chữ ký tên của ông P, không thể hiện có giao nhận tiền. Như vậy 02 giấy mượn tiền ngày 20/9/2021 và ngày 01/01/2022 còn nhiều điều chưa rõ, để tránh làm thiệt hại quyền lợi của ông P đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa xác minh làm rõ có hay không nhân vật liên quan cho bà H2 mượn tiền để xác định ông P có nhận tiền theo 02 giấy mượn tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phép qua lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông P tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ bởi lẽ nội dung của 02 giấy mượn tiền nội dung là bà Hồng M dùm ông P số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng và có thể chấp cho bà H2 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P yêu cầu hoãn phiên tòa để xác minh người cho bà H2 mượn tiền để đưa cho ông P là ai là không cần thiết; ông P không có chứng cứ chứng minh việc ông P bị ép buộc khi ký tên vào 02 giấy mượn tiền; từ khi ký tên vào 02 giấy mượn tiền ông P không có khiếu nại gì đến việc không có nhận tiền cũng như việc bà H2 giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Từ đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bị đơn Lê Văn P nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung xét kháng cáo bị đơn Lê Văn P:

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “Giấy mượn tiền” ngày 20/9/2021 (bút lục 64) và “Giấy mượn tiền” ngày 01/01/2022 (bút lục 63).

Về hình thức của 02 giấy mượn tiền có chữ ký tên ghi họ tên Lê Văn P ở mục người mượn. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày hai giấy mượn tiền do nguyên đơn viết, viết cả họ tên của ông P và ông P ký tên. Ông P không thừa nhận chữ ký tên trong hai Giấy biên nhận trên và yêu cầu Tòa án trung cầu giám định. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định trung cầu giám định số 06/2023/QĐ-TCGD ngày 28/12/2023 trung cầu Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định chữ ký “Phép” dưới mục “Người mượn” trên hai giấy mượn tiền nêu trên. Theo Kết luận giám định số 886/KL-KTHS ngày 25/3/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký “Phép” dưới mục “Người mượn” trên hai giấy mượn tiền ngày 20/9/2021 và ngày 01/01/2022 cùng với các mẫu so sánh do cùng một người ký ra (bút lục 53). Do vậy, cấp sơ thẩm xác định giữa bà H2 và ông P có cùng xác lập giao dịch dân sự theo “Giấy mượn tiền” ngày 20/9/2021 (bút lục 64) và “Giấy mượn tiền” ngày 01/01/2022 là đúng quy định.

Về nội dung, “Giấy mượn tiền” ngày 20/9/2021 thể hiện: “*Trần Thị H... có mượn dùm ông Lê Văn P số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), có giữ 1 bằng khoán đất*” và “Giấy mượn tiền” ngày 01/01/2022 thể hiện: “*Trần Thị H... có mượn dùm ông Lê Văn P số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng), có giữ 1 bằng khoán đất do bà Trần Thị C1 đứng tên*”. Như vậy, tổng số tiền nêu trong hai biên nhận là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Người đại diện của ông P trình bày: mặc dù chữ ký trong hai giấy mượn tiền là của ông P nhưng số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng là tiền bà H mượn dùm ông P, không phải là tiền bà H cho ông P vay mượn và không có chứng cứ ông P nhận tiền. Nhận thấy, khi ông P ký tên vào 02 giấy mượn tiền ở mục người mượn là ông P đã thực hiện giao dịch với bà H với số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng. Ông P khai nại là không có nhận số tiền 500.000.000 đồng, nhưng trên thực tế ông P có giao cho bà H giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin (bút lục 74, 75) từ ngày ký hai giấy mượn tiền cho đến nay; đồng thời ông P không chứng minh được có người thứ ba tham gia giao dịch nên trách nhiệm và

nghĩa vụ thực hiện giao dịch này là của bà H và ông P. Do đó cấp sơ thẩm buộc ông P có nghĩa vụ trả bà H số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

Giao dịch giữa bà H và ông P được xác định là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, cấp sơ thẩm xác định thời gian hợp lý bà H thông báo ông P trả nợ là thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là tháng 01/2023 đến tháng 6/2023 là phù hợp. Từ đó, bà H yêu cầu tiền lãi từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2024 làm tròn 14 tháng x 0,83%/tháng x 500.000.000 đồng là 58.100.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời trình bày của người đại diện ông P cho rằng ông P ký tên vào 02 giấy mượn tiền có thể là vì bà N là vợ ông P có vay tiền bà H và giao bà H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, bởi lẽ: Việc bà H vay tiền của ai đề cho ông P vay lại là quan hệ giao dịch khác, đồng thời người này cũng không có tham gia vào giao dịch giữa bà H và ông P nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa để xác minh làm rõ là có hay không và họ là ai như yêu cầu của Luật sư.

[5] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H:

Buộc bị đơn Lê Văn P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị H số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi là 58.100.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà H có nghĩa vụ trả lại cho ông P bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P đứng tên (Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy H02161 ngày 08/12/2007 của thửa đất 1384, tờ bản đồ 03 tại ấp T xã T, C, Tiền Giang và Giấy chứng nhận số vào sổ cấp giấy H02076 ngày 22/10/2007 của thửa đất 2409, tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T, C, Tiền Giang) thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí và chi phí tố tụng:

Nguyên đơn đã nộp 12.760.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0021294 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành nên được hoàn lại số tiền là 12.760.000 đồng. Bị đơn phải chịu 26.324.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 12.072.000 đồng chi phí giám định.

Bị đơn chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm thu số 0011725 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Minh Nguyệt